

(theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng** **Năm 2019**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 0263 505 505
- Số fax: 0263 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

* *Các sự kiện khác*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

* *Ngành nghề kinh doanh:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

- Khảo sát, thăm dò địa chất các loại khoáng sản (kể cả đá quý và vàng);
- Khai thác, tuyển luyện gia công chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu khoáng sản, vàng, bạc, đá quý, kim loại, phi kim loại, nước khoáng và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, giao thông và cơ sở hạ tầng;
- Sản xuất thủy điện, xây lắp đường dây và trạm trung thế, hạ thế;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành khai thác và chế biến khoáng sản;
- Chế biến tiêu thụ: chè đắng, chè dây, một số sản phẩm đặc sản khác;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước chè đắng, chè dây và các loại nước giải khát;

- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

* Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

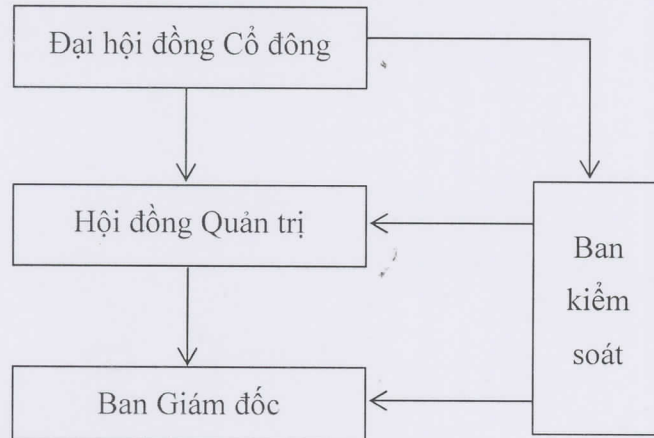
Thành phố Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng

Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng

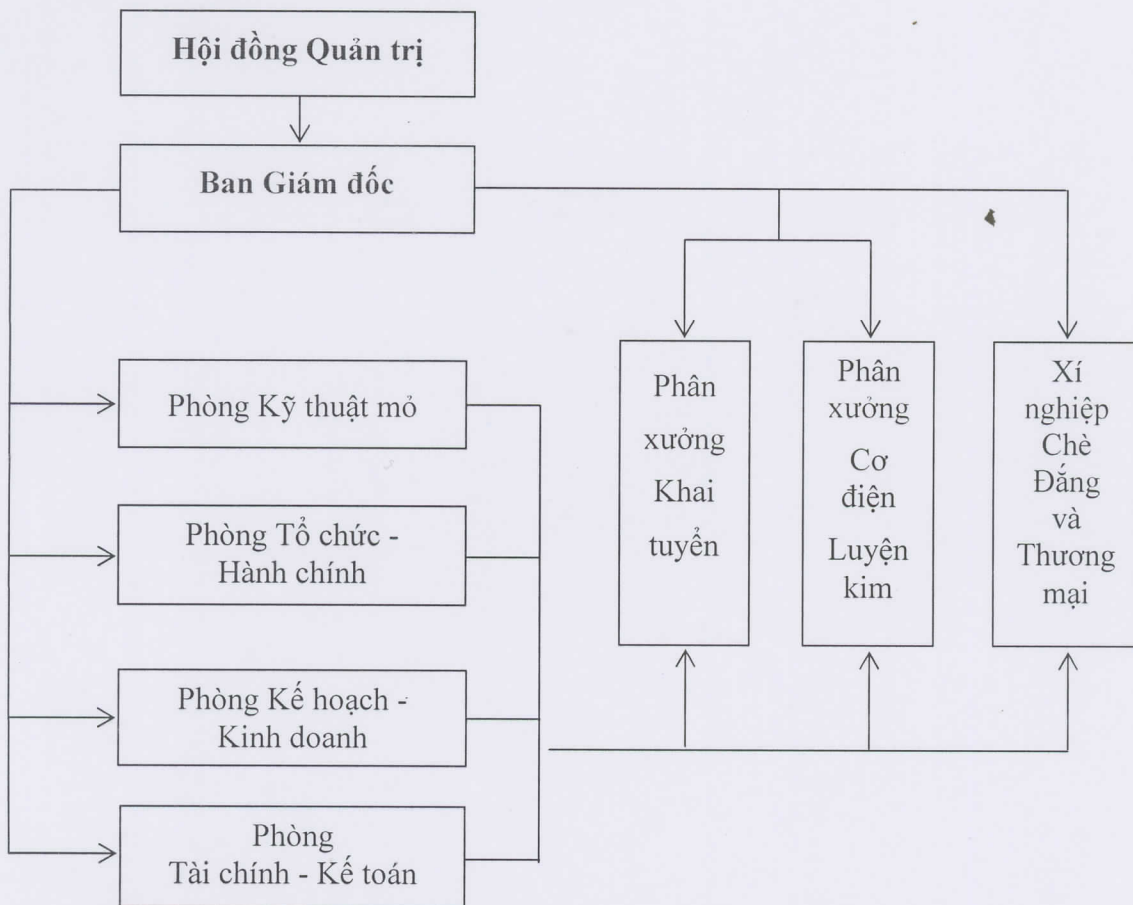
Xã Trường Hà - Huyện Hà Quảng - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp 2014



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Công ty liên kết: Cổ phần thương mại và dịch vụ ô tô Thái Tuấn

Địa chỉ: Phường Đề Thám - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng;

Lĩnh vực SXKD: sửa chữa, trung đại tu ô tô;

Vốn góp: 105.000.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 5,8%

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2020:

- Doanh thu: 76,558 tỷ đồng;
- Hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép Mở thiếc Nậm Kép; Đầu tư năng lực vận tải nhằm nâng cao công suất khai thác và năng lực bốc xúc, vận chuyển;
- Xử lý các tồn đọng tài chính, phân đầu chia cổ tức.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.
- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty

- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản

- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài;
- Thay đổi chính sách của Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch		Tỷ lệ (%)	
				Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	42.142	105.898	76.558	39,8	55
2	Lợi nhuận	Tr.đ	-26.552	381	123		
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Quặng thiếc 70% Sn	Tấn	91,194	297	183	30,7	49,8
3.2	Thiếc thỏi 99,75% Sn	Tấn	85,9636	200	157	42,98	54,75
3.3	Vàng cám	Kg	1,3758	5,0	4	27,5	34,4
3.4	Ferô Silic 45	Tấn	653.6	600	657	108.9	99,5
3.5	Điện năng	Tr/kwh	7,3	8,2	8,2	89	89

- Sản phẩm Quặng sắt: dừng sản xuất quý I năm 2015.

- Sản phẩm tinh quặng thiếc 70% Sn: Sản xuất đạt 91,194/297 tấn bằng 30,4% so với KH và bằng 33% so với cùng kỳ năm 2018.

- Thiếc thời 99,75%Sn tinh luyện: Đạt 85,9636/200 tấn bằng 42,98 % KH và bằng 50,3% so với cùng kỳ năm 2018.
- Sản phẩm vàng sa khoáng: Sản xuất đạt 1,3758/5,0 kg, bằng 27,5 % KH và bằng 24,5 % so với cùng kỳ năm 2018.
- Sản xuất Ferro Silic 45: sản xuất đạt 653,6/600 tấn bằng 108,9 % KH và bằng 108,8% so với cùng kỳ năm 2018.
- Sản xuất, phát dẫn điện năng: Đạt 7,3/8,2 triệu Kwh bằng 89 % KH và bằng 96,3% so với cùng kỳ năm 2018.
- Sản xuất chèn đóng hộp các loại: Đạt 23.888/21.000 hộp bằng 113,8% KH.
- Sản xuất nước lọc: Đạt 761.625/700.000 lít bằng 108,8% .

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

Gồm các ông/bà sau:

Ông Nguyễn Minh Tâm - Giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 01/7/2016 đến 03/01/2020; sở hữu 802.857% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10,04% % cổ phần có quyền biểu quyết;

Ông Trần Văn Chương – Giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay.

Ông Nguyễn Tiến Hào giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 01/8/2013 đến nay; sở hữu 801.600% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10,02% cổ phần có quyền biểu quyết.

Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay.\

Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Lao động đầu kỳ: 295 người; hết ngày 31/12/2019: 238 người;

Lao động sử dụng bình quân: 260 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt không đạt tiến độ đã công bố và cam kết.

Công ty đang triển khai thực hiện 3 dự án cụ thể sau:

* *DA đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập lục phần.*

- Công ty đã được HĐQT thông qua và quyết định phê duyệt điều chỉnh với Tổng mức đầu tư dự án là 5.774 triệu đồng. Dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 9 năm 2019.

- Công ty đang triển khai các thủ tục xin cấp giấy phép khai thác mới thêm 05 năm.

* Dự án đầu tư khai thác mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép:

- Hiện tại Công ty đang Phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập Dự án khai thác mỏ trình các cơ quan có thẩm quyền xin cấp Giấy phép khai thác.

* Dự án đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc khu tây mỏ thiếc Tĩnh Túc:

- Sau khi có quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khu Đông và bàn giao diện tích đất khu Tây về địa phương tỉnh Cao Bằng, Công ty sẽ tiến hành nộp hồ sơ xin cấp phép bãi thải Khu Tây cho cơ quan có thẩm quyền để xin cấp phép.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	135.706	91.122	
Doanh thu thuần	103.281	39.911	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-450	-27.822	
Lợi nhuận khác	951	1.300	
Lợi nhuận trước thuế	500	-26.522	
Lợi nhuận sau thuế	439	-26.522	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	1,89	1,67	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,18	0,44	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,32	0,28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,46	0,39	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>	3,26	1,44	

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
Hàng tồn kho bình quân			
<u>Doanh thu thuần</u>			
Tổng tài sản	0,76	0,44	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,042	Số âm	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,047	Số âm	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,032	Số âm	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,048	Số âm	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2019	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.035	2.686.274	33,58

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 31/12/2019	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	230.316	2,88
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.034	2.455.958	30,94
Tổng cộng		1.037	8.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Sản phẩm chính: Thiếc thỏi 99,75%Sn: 85,9636 tấn

- Nguyên liệu chính: Quặng thiếc 70%: 128,3725 tấn

Fero Silic 75: 5,643 tấn

Vôi bột 6,53 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Nhiên liệu: Than cốc các loại: 679,2 tấn

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Động lực: 145.000 Kwh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn cung cấp nước: Hồ nước khu Tây - Mỏ Thiếc Tĩnh Túc - Nguyên Bình - Cao Bằng

Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 643.699 m³

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 75%: 479.560 m³

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng lao động: 260

Mức lương trung bình: 3,2 triệu đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc; chính sách về nguyên liệu khu vực xung đột khoáng sản...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

(Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này)

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 không đạt như kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua do nhiều nguyên nhân chủ yếu về điều kiện tài nguyên, thiết bị, cụ thể như sau:

- Sản xuất quặng thiếc:

Thời hạn khai thác của mỏ thiếc Tĩnh Túc theo giấy phép số 1270/GP-BTNMT đã hết hạn từ ngày 28/2/2019. Trong 2 tháng đầu năm sản xuất chủ yếu là nạo vét thu hồi đất đá chứa quặng về tuyển rửa trong thời gian giấy phép khai thác còn hiệu lực, vì vậy hàm lượng quặng vào tuyển thấp, hệ số bóc thải lớn dẫn đến giá thành sản xuất rất cao. Từ tháng 3 đến hết năm 2019, hoạt động của mỏ chủ yếu là thực hiện các nội dung đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường, (theo nội dung văn bản số 1939/UBND - CN ngày 7/6/2019 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thực hiện quy định của Pháp luật về Khoáng sản, biện pháp đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường mỏ thiếc Tĩnh Túc) để phục vụ công tác đóng cửa mỏ dự án khai thác khu Đông mỏ thiếc Tĩnh Túc và phòng chống thiên tai lũ lụt trong mùa mưa.

Dự án khai thác quặng thiếc trong đất đá thải tại bãi thải Thập Lục đi vào sản xuất từ tháng 9/2019 để bù đắp sản lượng quặng thiếc thiếu hụt khai thác tại mỏ thiếc Tĩnh Túc. Tuy nhiên do mới đưa vào hoạt động chưa ổn định, hàm lượng quặng thấp nên sản xuất đạt kết quả không cao. Dẫn đến sản lượng sản xuất Thiếc thời 99,75% theo đó sụt giảm so với năm 2018 (85,9636 tấn/171,0178 tấn = 50,3%)

- Về thiết bị máy móc hiện có của Công ty hầu hết đã cũ, xuống cấp, thường xuyên hư hỏng, do không có nguồn vốn chủ động phân bổ cho kế hoạch sửa chữa, nên chỉ thực hiện ở cấp sửa chữa nhỏ, sửa chữa duy tu, bảo dưỡng, năng lực thiết bị không đáp ứng được yêu cầu sản xuất làm tăng chi phí cho khâu sửa chữa, vận hành, năng suất thiết bị đạt thấp.

- Sản xuất phát dẫn điện năng và luyện kim: Sản xuất quặng thiếc sản lượng suy giảm, công tác luyện thiếc đáp ứng nhu cầu. Đối với luyện Ferro silic giá các nguyên vật liệu chính như quặng sắt, than cốc tăng cao, các nhà máy thủy điện sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp, hỏng hóc nhiều, thường xuyên xảy ra các sự cố đường dây, lở đường máng, chất lượng điện năng không ổn định đã ảnh hưởng đến tiêu hao nguyên vật liệu tăng cao so với định mức nên sản xuất kém hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A- Tình hình tài chính				
I- Tài sản ngắn hạn	100 - BCDKT	37.815	71.987	(34.172)
1-Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	1.295	4.128	(2.833)
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	130 - BCĐKT	8.433	40.807	(32.374)
3- Hàng tồn kho	140 - BCĐKT	27.795	27.011	784
4- Tài sản ngắn hạn khác	150 - BCĐKT	292	41	251

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
II- Tài sản dài hạn	200 - BCĐKT	53.307	63.720	(10.413)
1- Các khoản phải thu dài hạn	210 - BCĐKT	8.599	7.702	897
2- Tài sản cố định	220 - BCĐKT	31.129	41.198	(10.069)
- Nguyên giá	222+225+228 - BCĐKT	218.968	244.981	(26.013)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223+226+229 - BCĐKT	(187.839)	(203.783)	(15.944)
3-Tài sản dở dang dài hạn	240 - BCĐKT	12.165	11.777	388
3- Đầu tư tài chính dài hạn	250 - BCĐKT	105	105	-
4- Tài sản dài hạn khác	260 - BCĐKT	1.309	2.938	(1.629)
III- Nợ phải trả	300 - BCĐKT	25.527	42.850	(17.323)
1- Nợ ngắn hạn	310 - BCĐKT	22.614	37.987	(15.373)
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311-BCĐKT	6.447	11.824	(5.377)
- Người mua trả tiền trước	312-BCĐKT			
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313-BCĐKT	7.210	6.254	956
- Phải trả người lao động	314-BCĐKT	2.630	2.739	(109)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315-BCĐKT	6	3.073	(3.067)
- Phải trả ngắn hạn khác	319-BCĐKT	702	2.538	(1.836)
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320-BCĐKT	1.950	7.318	(5.368)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322-BCĐKT	3.669	4.241	(572)
2- Nợ dài hạn	330 - BCĐKT	2.913	4.863	(1.950)
- Phải trả dài hạn khác	337 - BCĐKT	13	13	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338 - BCĐKT	2.900	4.850	(1.950)
IV- Vốn chủ sở hữu	400 - BCĐKT	65.595	92.857	(27.262)
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411 - BCĐKT	80.000	80.000	-
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	-
2 - Quỹ đầu tư phát triển	418- BCĐKT	5.555	5.555	-
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420 - BCĐKT	780	780	-
4 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421 - BCĐKT	(26.522)	492	(27.014)
5- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433 - BCĐKT	9.132	9.872	(740)
B/ Kết quả kinh doanh				
1- Tổng doanh thu	01+21+31- BCKQKD	42.142	105.868	(63.726)
Trong đó: Doanh thu bán hàng		39.911	103.282	(63.371)
Doanh thu hoạt động tài chính		60	87	(27)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
Thu nhập khác		2.171	2.499	(328)
2- Tổng lãi (+), lỗ (-)	50-BCKQKD	(26.522)	501	(27.023)
3- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60-BCKQKD	(26.522)	492	(27.014)
4- Tổng phải nộp ngân sách:		21.370	20.560	810
C/ Các chỉ tiêu đánh giá khác				
1- Tỷ suất lợi nhuận / doanh thu.		số âm	số âm	
2- Lợi nhuận / Vốn đầu tư của chủ sở hữu		số âm	số âm	
3- Tổng nợ phải trả / Vốn đầu tư của CSH		số âm	số âm	
4- Khả năng thanh toán	lần	số âm	số âm	
5 - Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,45	0,52	
6 - Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,57	3,17	
7 - Tài sản ngắn hạn / tổng tài sản	%	1,67	1,90	
8 - Tài sản dài hạn / tổng tài sản	%	0,43	1,18	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty luôn luôn giữ vững khẩu hiệu "An toàn - Kỷ luật - Đồng tâm".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2019, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Được phối hợp với Trung Tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh thực hiện theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu giám sát chất thải, 2 lần /năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Trong năm, Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hành nghề xử lý chất thải nguy hại để xử lý theo quy định, do khối lượng phát sinh hàng năm không nhiều nên công tác bàn giao chỉ thực hiện 1 năm 1 lần.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 100 người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLĐ nào.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2019, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Tuy nhiên công tác điều hành quản lý chưa đạt hiệu quả, tiến độ giải quyết công việc chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, song kết quả đạt được rất thấp so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua :

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	105.898	42.142
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	381	-26.522
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	20.608	10.101
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	290	260
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	5,92	3,2
Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng	4000	40

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Năm 2020, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn về tài nguyên do mỏ thiếc khu đông hết giấy phép, Tận thu bãi thải thập lục phần trong giai đoạn xin gia hạn cấp phép và điều kiện công trường khó khăn ... đòi hỏi công tác phát triển tài nguyên phải đặc biệt được chú trọng để từng bước tháo gỡ, khắc phục các khó khăn, xây dựng Công ty phát triển bền vững. Với các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu đạt 76,558 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 123 triệu đồng... Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2020 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung cho công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 có hiệu quả theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, tập trung nhân lực, cân đối chi phí thực hiện để gia hạn giấy phép khai thác bãi thải Thập Lục phần; Cấp phép khai thác bãi thải khu Tây và mỏ thiếc Nậm Kép.

- Chỉ đạo Ban giám đốc công ty khẩn trương hoàn thiện và nâng cao các mặt quản lý gồm Công tác tái cơ cấu lao động lao động; Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; Công tác Đầu tư; Công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; Công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

- Tiếp tục cùng Ban giám đốc Công ty kiện toàn bộ máy, sắp xếp lại các phòng ban, Xí nghiệp, phân xưởng theo mô hình tổ chức định biên lao động giai đoạn 2018-2020. Chỉ đạo ban Giám đốc lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhân sự chủ chốt cho các ngành nghề sản xuất chính của công ty. Nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển lâu dài của Công ty phù hợp với tình hình mới.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nông Minh Huyền - Trợ lý Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Chủ tịch HĐQT Công ty. Từ ngày 15/5/2019, tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đã thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, cụ thể là đồng chí Bùi Tiến Hải – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thay đồng chí Nông Minh Huyền; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty chiếm tỷ lệ 11,89 % cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Bá Nghiệm - Phó phòng Tuyển khoáng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HĐQT Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10 % cổ phần có quyền biểu quyết;

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Phó chánh Văn phòng Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Thành viên HĐQT Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10 % cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Minh Tâm - Thành viên HĐQT; sở hữu 0,04% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10% cổ phần có quyền biểu quyết;

- Ông Nguyễn Tiến Hào Thành viên HĐQT - Phó giám đốc Công ty; sở hữu 0,02% cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 10% cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2019, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 04 phiên họp và 04 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 22 nghị quyết để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản, xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

- Gia hạn thời gian thực hiện đơn giá thuê thiết bị khai thác quặng thiếc Mỏ Thiếc Tĩnh Túc theo Hợp đồng 525/2018/HĐKT ngày 08/8/2018 về việc thuê thiết bị bốc xúc, vận chuyển, san gạt khối lượng đất đá, quặng năm 2018

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và 2 tháng đầu năm 2019, phương hướng nhiệm vụ Quý I/2019 và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019.

- Thông qua dự toán, đơn giá trần và kế hoạch lựa chọn đơn vị thực hiện bóc đất, đá và khai thác quặng thiếc năm 2019 và đưa mô về trạng thái an toàn tại mỏ thiếc Tĩnh Túc.

- Phê duyệt Kế hoạch kỹ thuật sản xuất và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Nghị quyết Đại hội ĐCĐ thường niên 2019.

- Bầu thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020

- Thông qua chương trình và nội dung họp đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Bầu thay thế chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016 - 2020.

- Thông qua sắp xếp, bố trí cán bộ chủ chốt của Công ty.

- Thông qua dự thảo Phương án hợp tác khai thác, chế biến quặng thiếc tại Khu vực bãi thải Thập Lục Phần.

- Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý Quặng Mangan tồn kho.

- Thông qua chủ trương thanh lý TSCĐ

- Thông qua tiêu thụ thiếc thỏi 99,75%.

- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 5 tháng đầu năm 2019 và các giải pháp thực hiện kế hoạch 7 tháng cuối năm 2019.

- Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá thanh lý Tài sản cố định.
- Phê duyệt điều chỉnh Dự án Đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần.
- Thông qua chủ trương đầu tư và Đề cương - Dự toán lập Dự án “Khai thác lộ thiên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”.
- Thông qua chủ trương đầu tư và Đề cương - Dự toán lập Dự án “Đầu tư khai thác tận thu quặng thiếc trong đất đá thải khu vực bãi thải Khu Tây”.
- Thông qua việc tiêu thụ thiếc thỏi 99,75% quý IV năm 2019.
- Phê duyệt quyết toán Vốn đầu tư: Dự án Đầu tư duy trì sản xuất Mỏ thiếc Tĩnh Túc. Hạng mục: Mua sắm máy xúc thủy lực gầu ngược bánh xích dung tích gầu $\geq 1,4m^3$.
- Về việc quản lý sử dụng khu tập thể CBCNV, nhà trẻ Nà Lũng, phường Duyệt Trung, thành phố Cao Bằng.
- Thông qua việc xin thanh lý tài sản trên đất và trả lại đất cho địa phương theo nội dung tờ trình số 429/TTr-KSLK ngày 15/8/2019 của Giám đốc Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;
- Ông Hà Ngọc Bình - Thành viên BKS; đại diện 14,53% số cổ phần có quyền biểu quyết;
- Bà Mai Hạnh Duyên - Thành viên BKS; sở hữu 0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và 01 thành viên hoạt động kiêm nhiệm, 01 thành viên còn lại vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com.vn>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC 



Trần Văn Chương